

Số: /TB-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị của Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng tại Bản Công bố số 223/BCB-BVQTSN ngày 05/5/2026 và đối chiếu với các quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ, Sở Y tế thông báo về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành như sau:

- Tên cơ sở được công bố: BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN - NHI HẢI PHÒNG.
- Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: số 296/BYT-GPHĐ, Cơ quan cấp: Bộ Y tế; Cấp ngày 05/3/2025.
- Phạm vi hoạt động chuyên môn: thực hiện kỹ thuật chuyên môn tại các Quyết định:
  - Quyết định số 5336/QĐ-BYT ngày 23/12/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và xếp hạng tương đương đối với Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng (*phê duyệt 2.366 kỹ thuật chuyên môn*);
  - Quyết định số 128/QĐ-BYT ngày 18/01/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng (*phê duyệt 786 kỹ thuật chuyên môn*);
  - Quyết định số 4337/QĐ-BYT ngày 24/11/2023 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh chữa bệnh và phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật đối với Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng (*phê duyệt 1.267 kỹ thuật chuyên môn*).
  - Quyết định số 313/QĐ-BYT ngày 24/01/2025 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng (*phê duyệt 533 kỹ thuật chuyên môn*);

- Quyết định số 3220/QĐ-SYT ngày 19/11/2025 của Sở Y tế về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng (*phê duyệt 44 kỹ thuật chuyên môn*).

4. Địa chỉ: 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

5. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BS Phạm Thu Xanh.

6. Điện thoại: 0225.3959999. Email: quoctesannhihaiphong@gmail.com.

7. Chức danh được hướng dẫn thực hành:

7.1. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa;

7.2. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng;

7.3. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt;

7.4. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản Phụ khoa;

7.5. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nhi khoa;

7.6. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai - Mũi - Họng;

7.7. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;

7.8. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;

7.9. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng;

7.10. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ;

7.11. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức;

7.12. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm;

7.13. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh;

7.14. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh;

7.15. Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;

7.16. Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh;

7.17. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;

7.18. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;

7.19. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.

8. Danh sách người hướng dẫn thực hành và số lượng thực hành theo hồ sơ cơ sở công bố.

9. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:

a) Cơ sở được tổ chức hướng dẫn thực hành khám chữa bệnh với các chức danh được công bố. Trong quá trình thực hiện đề nghị đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, các quy định có liên quan và Công văn số 4096/SYT-TCHC ngày 09/8/2025 của Sở Y tế Hải Phòng.

Trường hợp cơ sở không thực hiện đúng quy định đảm bảo hướng dẫn thực hành, Sở Y tế tiến hành thu hồi Bản công bố và không công nhận kết quả thực hành.

b) Nếu có sự thay đổi nội dung so với hồ sơ công bố thì cơ sở gửi hồ sơ về Sở Y tế để tiến hành công bố lại;

c) Cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thủ tục, nội dung và các điều kiện để hướng dẫn thực hành đảm bảo theo quy định;

d) Thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của cơ sở: danh sách người giảng dạy thực hành, số lượng, loại hình, ngành, chuyên ngành, trình độ đào tạo thực hành, số lượng tối đa người học thực hành có thể nhận, số lượng người học thực hành đang thực hành tại cơ sở.

*(Đính kèm hồ sơ đề nghị Công bố của Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng)./.*

**Nơi nhận:**

- GD và PGD SYT;
- BVQT Sản-Nhi HP;
- Các Phòng thuộc SYT;
- Công TTĐT SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC (L.D.H-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Trinh**

Số: 223 /BCB-BVQTSN

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026

## BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là  
cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng.  
Số giấy phép hoạt động 296/BYT-GPHĐ, Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 05 tháng 3 năm 2025.

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Phạm Thu Xanh.

Điện thoại liên hệ: 0225.3.95999

Email: quoctesannhihaiphong@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

### 1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- 1.1. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa;
- 1.2. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng;
- 1.3. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt;
- 1.4. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản Phụ khoa;
- 1.5. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nhi khoa;
- 1.6. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai – Mũi –

Họng;

- 1.7. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa;
- 1.8. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu;
- 1.9. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức

năng;

- 1.10. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tạo hình thẩm

mỹ;

- 1.11. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức;
- 1.12. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm;
- 1.13. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình

ảnh;

- 1.14. Chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh;
- 1.15. Chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng;
- 1.16. Chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh;



- 1.17. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học;
- 1.18. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học;
- 1.19. Chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.

**2. Danh sách người hướng dẫn thực hành:** Theo phụ lục 1

**3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Nội khoa; Hồi sức cấp cứu (Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Tâm thần (Hợp đồng với Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Y học cổ truyền (Hợp đồng với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng).

**4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:** Theo phụ lục 2.

**5. Chi phí hướng dẫn thực hành:** 1.000.000đ (Một triệu đồng)/người/tháng

Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- P.TCCB SYT;
- Lưu: QLCLĐT, TCHC.



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thu Xanh**

**Phụ lục 1**  
**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TRONG CÙNG MỘT THỜI ĐIỂM**  
(Kèm theo Bản công bố số: 223/BCB-BVQTSN ngày 05/5/2026)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
I	<b>BÁC SĨ</b>							
1	Trần Thị Việt Phương	21/12/1957	Giám đốc chuyên môn khối Sản	BSCKII	001374/HP-CCHN	29/12/2012	KB, CB Chuyên Khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
2	Nguyễn Tuấn Tú	09/3/1961	Giám đốc chuyên môn khối Nhi	BSCKII	000356/HP-CCHN	11/7/2012	KB, CB chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa..
3	Phạm Văn Dương	12/7/1964	Giám đốc chuyên môn khối Nhi	BSCKII	000733/HP-CCHN	14/9/2012	KB, CB chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa
4	Nguyễn Mai Thơ	19/1/1961	Khám bệnh	BSCKII	001490/HP-CCHN	30/1/2013	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
5	Nguyễn Kim Nga	07/02/1963	Khám bệnh	BSCKII	001477/HP-CCHN	28/1/2013	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
6	Đỗ Thị Thu Thủy	15/8/1959	Khám bệnh	BSCKII	001338/HP-CCHN	29/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
7	Phạm Thị Xuân Minh	07/02/1965	Khoa sản	BSCKII	008566/HP-CCHN	6/1/2016	KB, CB Chuyên Khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
8	Đoàn Thị Thúy Hà	10/10/1963	Khoa sản	Ths. BS	000126/HP-CCHN	23/4/2012	Phòng khám chuyên Khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
9	Phạm Thị Thu Thủy	05/12/1976	Khoa sản	BSCCKII	000175/HP-CCHN	29/5/2012	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
10	Phạm Văn Đô	16/06/1989	Khoa sản	Ths. BS	008991/HP-CCHN	21/6/2016	KB, CB chuyên Khoa: Phụ sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa
11	Phùng Văn Luân	02/07/1985	Khoa sản	BSCCKI	009994/HP-CCHN	20/9/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản phụ Khoa	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
12	Vũ Thị Oanh	01/02/1980	Khoa sản	BSCCKII	003077/HP-CCHN	8/12/2013	KB, CB chuyên Khoa Phụ sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
13	Vũ Hồng Thăng	16/06/1985	Khoa sản	Ths. BS	006577/HP-CCHN	16/11/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
14	Nguyễn Đức Thuận	17/9/1989	Khoa sản	BSCCKI	0004754/QNI-CCHN	29/2/2016	KB, CB Sản phụ khoa	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
15	Nguyễn Thị Lệ Hoa	04/11/1987	Khoa sản	BSCCKI	004416/HP-CCHN	28/2/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
16	Trịnh Thị Thanh Huyền	08/03/1981	Khoa sản	Ths. BS	005133/HP-CCHN	12/4/2014	KB, CB chuyên khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản phụ khoa.
17	Lê Thị Huyền	15/11/1987	Khoa sản	Bác sỹ	007004/HP-CCHN	25/4/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản - KHHGĐ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
18	Nguyễn Văn Học	25/12/1959	Khoa Phụ	PGS.TS	000512/HP-CCHN	24/8/2012	KB, CB CK Sản – KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
19	Nguyễn Văn Huỳnh	26/2/1988	Khoa Phụ	BSCKI	028454/BYT-CCHN	22/2/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản phụ Khoa	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
20	Đỗ Diễm Hương	21/7/1990	Khoa Phụ	BSCKI	010300/HP-CCHN	12/2/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản phụ Khoa	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
21	Nguyễn Thị Thu Dương	29/4/1983	Khoa Phụ	BSCKII	000839/HP-CCHN	5/10/2012	KB, CB Sản Phụ khoa - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
22	Chu Thị Vân Hà	29/11/1978	Khoa Phụ	BSCKI	006108/HP-CCHN	28/02/2014	KB, CB chuyên khoa Sản - KHHGD	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Sản Phụ khoa.
23	Trần Thị Thắm	17/5/1987	Khám bệnh	TS.BS	002610/HP-CCHN	07/11/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
24	Đình Khắc Hai	21/6/1989	Khám bệnh	BSCKI	007243/HP-CCHN	15/9/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa
25	Nguyễn Thị Giang	25/9/1991	Khám bệnh	BSCKI	034196/BYT-CCHN	8/6/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
26	Nguyễn Đức Thắng	02/7/1986	Khám bệnh	BSCKI	006978/HP-CCHN	15/4/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
27	Nguyễn Văn Đạt	06/6/1993	Khám bệnh	BS	011128/HP-CCHN	5/8/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
28	Nguyễn Thị Thiên Trang	04/10/1990	Khám bệnh	BSNT	010934/HP-CCHN	5/4/2019	KB, CB chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
29	Trịnh Thị Thuần	25/12/1984	Hồi sức tích cực Nhi	BSCCKII	001202/HP-CCHN; Bệnh học sơ sinh; Cấp cứu Nhi chung; Hồi sức cấp cứu Nhi	06/12/2012	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
30	Nguyễn Hùng Tiến	17/5/1986	Hồi sức tích cực Nhi	BSNT	002621/HP-CCHN; Hồi sức Nhi khoa nâng cao	7/11/2013	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
31	Đỗ Thị Thúy	17/5/1989	Hồi sức tích cực Nhi	BSNT	008537/HP-CCHN; Chăm sóc và hồi sức sơ sinh; Nâng cao kỹ năng thực hành hồi sức và CSSSTY nâng cao	28/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
32	Đỗ Mạnh Hà	03/01/1992	Hồi sức tích cực Nhi	BSCCKI	0006736/QNI-CCHN; Cấp cứu hồi sức sơ sinh; Hồi sức sơ sinh nâng cao và đặt catheter TM trung tâm từ ven ngoại vi;	22/08/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
					Thờ máy tần số cao.			
33	Nguyễn Ngọc Lan	09/12/1993	Hội sức tích cực Nhi	Bác sỹ	011067/HP-CCHN; Cấp cứu Nhi khoa cơ bản	1/7/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
34	Phạm Thị Thắm	19/12/1993	Hội sức tích cực Nhi	Bác sỹ	011066/HP-CCHN; Hội sức Nhi khoa; Cấp cứu Nhi khoa cơ bản	01/07/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
35	Phạm Thị Thảo	28/12/1993	Hội sức tích cực Nhi	Bác sỹ	011129/HP-CCHN; Cấp cứu Nhi khoa cơ bản	5/8/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
36	Phạm Văn Điệp	23/3/1963	Hô hấp - Tim mạch	BSCKII	000095/HP-CCHN	Cấp lại lần 1, ngày 29/12/2020	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
37	Vũ Trọng Tài	03/7/1984	Hô hấp - Tim mạch	BSCKII	002112/HP-CCHN	14/09/2013	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
38	Bùi Thị Hoàng Mai	07/4/1988	Hô hấp - Tim mạch	BSNT	008262/HP-CCHN	26/11/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
39	Lưu Ngọc Mai	08/01/1986	Hô hấp - Tim mạch	BSNT	005473/HP-CCHN	8/4/2014	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
40	Vũ Thị Lý	30/01/1994	Hô hấp - Tim mạch	Bác sỹ	010966/HP-CCHN	09/05/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
41	Vũ Thị Thúy	04/08/1987	Tiêu hóa - Thận - Huyết học	Ths. BS	002617/HP-CCHN	07/11/2013	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
42	Hoàng Thị Hương	05/08/1992	Tiêu hóa - Thận - Huyết học	BSCKI	010458/HP-CCHN	12/6/2018	KB, CB chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
43	Bùi Cao Tiên	30/03/1989	Truyền nhiễm	BSCKI	008260/HP-CCHN	26/11/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
44	Lê Thị Thanh Huyền	05/02/1986	Truyền nhiễm	BSNT	007927/HP-CCHN	6/11/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
45	Trần Thị Huyền	10/10/1994	Truyền nhiễm	Bác sỹ	011535/HP-CCHN	12/5/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
46	Lưu Thị Loan	17/11/1994	Truyền nhiễm	Bác sỹ	011536/HP-CCHN	12/5/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
47	Trịnh Thị Thu	12/06/1993	Truyền nhiễm	Bác sỹ	011736/HP-CCHN	14/7/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
48	Nguyễn Duy Tuấn	12/6/1969	Ngoại nhi	BSCKII	002673/HP-CCHN	7/11/2013	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên Khoa Ngoại Nhi	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
49	Bùi Duy Vũ	26/8/1981	Liên chuyên khoa	BSCKII	000535/HP-CCHN	24/08/2012	KB, CB chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.
50	Lê Thị Thúy	17/02/1983	Liên chuyên khoa	BSCKI	008905/HP-CCHN	11/5/2016	Khám bệnh, chữa bệnh CK Tai Mũi Họng	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
51	Phạm Quang Tuyền	27/12/1992	Liên chuyên khoa	Ths. BS	039604/BYT-CCHN	14/04/2019	KB, CB chuyên khoa Tai Mũi Họng	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.
52	Đào Thị Thúy Hoài	05/10/1985	Liên chuyên khoa	Bác sỹ	010988/HP-CCHN	10/5/2019	KB, CB chuyên khoa Tai Mũi Họng	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tai - Mũi - Họng.
53	Mạc Phạm Văn	29/1/1970	Liên chuyên khoa	BSCKI	000156/HP-CCHN	29/05/2012	KB, CB chuyên khoa Mắt	BS Y khoa; BS Y học dự phòng.
54	Nguyễn Thị Miên	20/4/1960	Liên chuyên khoa	BSCKI	001114/HP-CCHN	21/11/2012	KB, CB chuyên khoa Răng - hàm - mặt	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS Răng - Hàm - Mặt.
55	Trần Thị Loan	29/10/2009	Liên chuyên khoa	BSCKI	009841/HP-CCHN	06/07/2017	KB, CB chuyên khoa : Răng hàm mặt	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS Răng - Hàm - Mặt.
56	Nguyễn Thị Phương Loan	30/10/1968	Trung tâm Lumera	BSCKI	006713/HP-CCHN	08/12/2014	KB, CB chuyên khoa: Da liễu	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Da liễu.
57	Cao Thị Quỳnh Diệp	23/01/1987	Khoa Tâm bệnh - Phục hồi chức năng	BSCKI	006726/HP-CCHN	12/12/2014	KB, CB chuyên khoa Nhi - Tâm bệnh Nhi	BS Y khoa, BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Nhi khoa.
58	Đào Thị Tú	13/3/1959	Khoa Tâm bệnh - Phục hồi chức năng	BSCKI	003132/HP-CCHN	14/12/2013	KB, CB Nội tổng hợp, chuyên khoa VLTL - PHCN	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Phục hồi chức năng
59	Bùi Thanh Doanh	02/9/1954	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	TS.BSCKII	000260/HP-CCHN, QĐ 786/QĐ-SYT	18/6/2012	KB, CB CK Ngoại, CK Phẫu thuật Tạo hình thẩm mỹ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ, BS chuyên khoa Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
60	Vũ Văn Dương	27/01/1992	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	Bác sỹ	038269/BYT-CCHN; Số 1568/QĐ-SYT	6/9/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ, BS chuyên khoa Ngoại khoa
61	Nguyễn Đình Phúc	22/7/1988	Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	BSCKI	011084/HP-CCHN	12/07/2019	KB, CB chuyên khoa Ngoại	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Ngoại khoa.
62	Nguyễn Đỗ Hưng	27/4/1983	Gây mê hồi sức	BSCKI	009075/HP-CCHN	1/7/2016	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	BS chuyên khoa Gây mê hồi sức
63	Phạm Đình Kiên	13/8/1973	Gây mê hồi sức	Ths. BS	003342/HP-CCHN	25/12/2013	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	BS chuyên khoa Gây mê hồi sức
64	Nguyễn Minh Hồng	10/1/1987	Gây mê hồi sức	BSCKI	006509/HP-CCHN	10/10/2014	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	BS chuyên khoa Gây mê hồi sức
65	Vũ Thúy Nga	04/02/1986	Gây mê hồi sức	Bác sỹ	003912/HP-CCHN	26/09/2017	Chuyên Khoa Gây mê hồi sức	BS chuyên khoa Gây mê hồi sức
66	Nguyễn Văn Bách	10/01/1955	Chẩn đoán hình ảnh	BSCKI	000252/HP-CCHN	19/12/2018	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Kỹ thuật viên hình ảnh y học
67	Cao Thị Lan Hương	27/4/1977	Chẩn đoán hình ảnh	BSCKI	000826/HP-CCHN	25/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Khoa Sản phụ Khoa/ Chuyên Khoa Chẩn đoán hình ảnh	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, Kỹ thuật viên hình ảnh y học
68	Bùi Đăng Chương	03/01/1973	Chẩn đoán hình ảnh	BSCKI	005805/HP-CCHN	20/5/2014	Chuyên khoa CĐHA	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh, Kỹ thuật viên hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
69	Nguyễn Thùy Vân	06/8/1986	Chân đoán hình ảnh	BSCKI	006715/HP-CCHN	10/12/2014	Chuyên Khoa CDHA	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Chân đoán hình ảnh, Kỹ thuật viên hình ảnh y học
70	Đỗ Mạnh Toàn	22/02/1963	Xét nghiệm	Ths. BS	000194/HP-CCHN	25/1/2018	Chuyên Khoa Xét nghiệm	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Xét nghiệm.
71	Phạm Thị Thủy	19/7/1989	Xét nghiệm	BSCKI	008265/HP-CCHN	26/11/2015	Chuyên khoa Xét nghiệm	BS Y khoa; BS Y học dự phòng; BS chuyên khoa Xét nghiệm.
72	Phạm Văn Tuy	12/4/1961	Xét nghiệm	Ths. BS	0012590/BYT-CCHN	26/12/2013	CK Giải phẫu bệnh, Nội soi Tiêu hóa	BS chuyên khoa Giải phẫu bệnh
73	Lê Tiên Thái	11/3/1990	Trung tâm vaccin	BSYHDP	006828/TB-CCHN	27/12/2017	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	BS Y học dự phòng
74	Vũ Thị Thủy	01/5/1993	Trung tâm vaccin	BSYHDP	011058/HP-CCHN	18/6/2019	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	BS Y học dự phòng
<b>II</b>	<b>Điều dưỡng</b>							
1	Lê Thị Lý	29/12/1990	Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	006892/HP-CCHN	10/2/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành điều dưỡng	Điều dưỡng
2	Nguyễn Thu Hằng	29/11/1995	Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010738/HP-CCHN	5/11/2018	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
3	Đinh Thị Hoa	19/3/1996	Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011264/HP-CCHN	22/11/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
4	Vũ Hương Thom	13/9/1996	Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011146/HP-CCHN	3/9/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
5	Phạm Thị Như	12/11/1994	Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011136/HP-CCHN	3/9/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
6	Phạm Thiên Hương	23/10/1991	Khoa Sản	ĐDCKI/Hộ sinh	006515/HP-CCHN	23/7/2018	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch hộ sinh	Điều dưỡng, Hộ sinh
7	Chu Thị Yến	26/8/1980	Khoa Sản	Cử nhân điều dưỡng	005553/QNI-CCHN	10/05/2017	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
8	Hoàng Thị Thảo	15/2/1997	Khoa Sản	Cử nhân điều dưỡng	012126/HP-CCHN	29/01/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/ Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/ CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/ CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
							nghệ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
9	Lương Thu Thảo	12/01/1995	Khoa Sản	Cử nhân điều dưỡng	010996/HP- CCHN	10/5/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
10	Lê Thị Thanh Hà	15/2/1967	Khoa sản	Cử nhân Điều dưỡng	002979/HP- CCHN	8/12/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
11	Lê Thị Loan Trang	08/11/1994	Khoa sản	Cử nhân Điều dưỡng	009808/HP- CCHN	1/6/2017	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
12	Phạm Thị Thu Trang	07/10/1983	Khoa sản	Điều dưỡng	007734/HP- CCHN	3/11/2015	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của BNV ngành điều dưỡng	Điều dưỡng
13	Lê Thị Vân	17/6/1995	Khoa sản	Điều dưỡng	026359/HNO- CCHN	03/01/2019	Điều dưỡng	Điều dưỡng
14	Phạm Thị Thu	05/05/1998	Khoa Phụ	Cao đẳng Điều dưỡng	012048/HP- CCHN	9/12/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
15	Lê Thị Hoa	26/4/1997	Khoa Phụ	Cử nhân Điều dưỡng	011636/HP-CCHN	02/06/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
16	Bùi Thu Hương	12/12/1986	Khoa Phụ	Cử nhân Điều dưỡng	002951/HP-CCHN	8/12/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
17	Nguyễn Thị Nam Dương	03/7/1988	Khoa Phụ	Cử nhân Điều dưỡng	004892/HP-CCHN	15/3/2014	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
18	Lương Thị Mai Anh	25/10/1995	Hội sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	010764/HP-CCHN; Hội sức cấp cứu nhi Khoa cơ bản	19/11/2018	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
19	Vũ Thị Thanh Hương	06/5/1992	Hội sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	0005723/QNI-CCHN; Hội sức sau phẫu thuật tim; Theo dõi và chăm sóc trẻ bị bệnh hệ tiết niệu	11/9/2017	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
20	Nguyễn Văn Thái	11/9/1993	Hồi sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	008275/HP-CCHN; Theo dõi chăm sóc trẻ sơ sinh; Lọc máu	26/11/2015	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
21	Nguyễn Văn Toàn	16/8/1994	Hồi sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	009594/HP-CCHN; Hồi sức, theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh; Kỹ thuật lọc máu; Thở máy cao tần	20/01/2017	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
22	Lê Thị Ánh Tuyết	07/01/1991	Hồi sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	007258/HP-CCHN; Chăm sóc sơ sinh dành cho điều dưỡng; Theo dõi, chăm sóc bệnh nhi điều trị tích cực	15/09/2015	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
23	Nguyễn Hiền Thương	19/10/1997	Hồi sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	011608/HP-CCHN; Điều dưỡng cấp cứu tim mạch	31/5/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
24	Dư Thị Minh Tâm	20/6/1992	Hội sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	009442/HP-CCHN; Theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh	9/12/2016	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
25	Nguyễn Thị Thúy Mai	06/02/1975	Hội sức tích cực Nhi	Điều dưỡng	005627/HP-CCHN; Cấp cứu sản Khoa và Hội sức sơ sinh, Chăm sóc sơ sinh	9/5/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành điều dưỡng	Điều dưỡng
26	Lê Thị Hồng	06/10/1990	Hô hấp - Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	004596/TH-CCHN	10/3/2014	Điều dưỡng viên Sản phụ khoa	Điều dưỡng
27	Bùi Thị Như Thảo	01/11/1996	Hô hấp - Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	011329/HP-CCHN	30/1/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
28	Hoàng Thị Kim Dung	02/3/1996	Hô hấp - Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	011145/HP-CCHN	3/9/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
29	Nguyễn Thị Phương Mai	28/7/1998	Hô hấp - Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	013031/HP-CCHN	1/3/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/ Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/ CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/ CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
							nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
30	Lê Việt Trinh	21/11/1996	Tiêu hóa - Thận - Huyết học	Cử nhân điều dưỡng	011316/HP- CCHN	6/1/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
31	Đoàn Thị Nhung	20/9/1997	Tiêu hóa - Thận - Huyết học	Cử nhân điều dưỡng	012076/HP- CCHN	08/01/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
32	Phạm Thúy Loan	13/5/1997	Tiêu hóa - Thận - Huyết học	Cử nhân điều dưỡng	012077/HP- CCHN	08/01/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
33	Trần Thị Bích	13/10/1984	Truyền nhiễm	Cử nhân điều dưỡng	004858/HP- CCHN	15/3/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngành điều dưỡng	Điều dưỡng
34	Phạm Thị Thu Huyền	31/3/1997	Truyền nhiễm	Cử nhân điều dưỡng	012085/HP- CCHN	08/01/2021	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
35	Nguyễn Thị Thanh Tiên	21/6/1987	Truyền nhiễm	Cử nhân điều dưỡng	005036/HP-CCHN	08/04/2014	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của BNV ngành điều dưỡng	Điều dưỡng
36	Cao Thị Loan	18/3/1994	Tâm Bệnh – Phục hồi chức năng	Cao đẳng Điều dưỡng	009445/HP-CCHN	9/12/2016	Điều dưỡng	Điều dưỡng
37	Ngô Thị Liên	15/7/1968	Ngoại Nhi	Cao đẳng Điều dưỡng	001315/HP-CCHN	25/1/2018	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
38	Bùi Thị Hoa	16/9/1997	Ngoại Nhi	Cử nhân điều dưỡng	012054/HP-CCHN	08/01/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
39	Nguyễn Thị Hòa	10/10/1985	Ngoại Nhi	Cử nhân điều dưỡng	003251/HP-CCHN	20/12/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
40	Vũ Thị Hạnh	26/2/1982	Ngoại Nhi	Cử nhân điều dưỡng	005050/HP-CCHN	08/04/2014	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
41	Ngô Quỳnh Nga	14/11/1991	Liên chuyên khoa	Cao đẳng Điều dưỡng	001836/HP-CCHN	25/7/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
42	Nguyễn Thị Thùy Linh	05/9/1994	Liên chuyên khoa	Cao đẳng Điều dưỡng	010451/HP-CCHN	30/05/2018	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
43	Hoàng Thị Hoa	14/11/1990	Liên chuyên khoa	Cử nhân điều dưỡng	011266/HP-CCHN	22/11/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
44	Phạm Thị Hồng Ngọc	04/04/1996	Liên chuyên khoa	Cử nhân điều dưỡng	011384/HP-CCHN	15/02/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
45	Nguyễn Thị Minh	16/12/1981	Liên chuyên khoa	Cử nhân điều dưỡng	005074/HP-CCHN	8/4/2014	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
46	Hoàng Thị Quý	11/12/1993	PTTHTM	Cao đẳng điều dưỡng	009403/HP-CCHN	29/11/2016	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
47	Nguyễn Thị Trang	01/10/1996	PTTHTM	Cao đẳng điều dưỡng	011068/HP-CCHN	1/7/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
48	Vũ Thanh Thủy	14/01/1996	Trung tâm vaccin	Cao đẳng Điều dưỡng	011546/HP-CCHN	5/12/2020	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng
<b>III</b>	<b>Hộ sinh</b>							
1	Nguyễn Thị Chiên	01/12/1985	Khoa sản	Hộ sinh	001791/HP-CCHN	25/6/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
2	Phạm Như Quỳnh	05/12/1991	Khoa sản	Hộ sinh	009627/HP-CCHN	20/1/2017	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/ Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/ CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/ CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
3	Lê Thị Giang	17/4/1993	Khoa sản	Hộ sinh	006595/HP- CCHN	16/11/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch hộ sinh	Hộ sinh
4	Phạm Thị Như Trang	16/10/1993	Khoa sản	Hộ sinh	009230/HP- CCHN	18/8/2016	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
5	Vũ Thị Phương Quế	05/05/1982	Khoa sản	Hộ sinh	001672/HP- CCHN	26/4/2013	Dịch vụ y tế	Hộ sinh
6	Hà Ngọc Anh	07/12/1993	Khoa sản	Hộ sinh	009546/HP- CCHN	30/12/2016	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
7	Trần Thị Tuyệt	04/6/1981	Khoa sản	Hộ sinh	007091/HP- CCHN	5/6/2015	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch hộ sinh	Hộ sinh
8	Vũ Thị Phương Thảo	24/12/1993	Khoa sản	Hộ sinh	006721/HP- CCHN	10/12/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch hộ sinh	Hộ sinh
9	Đặng Thị Thùy Dung	23/9/1986	Khoa sản	Hộ sinh	001673/HP- CCHN	26/4/2013	Dịch vụ y tế	Hộ sinh
10	Tô Thị Mỹ Hạnh	20/10/1986	Khoa sản	Hộ sinh	001674/HP- CCHN	26/4/2013	Dịch vụ y tế	Hộ sinh
11	Hoàng Thị Hà Phương	12/11/1992	Khoa sản	Hộ sinh	002598/HP- CCHN	28/10/2013	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề	Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
							nghiep, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
12	Lê Thị Nhân	24/11/1989	Khoa sản	Hộ sinh	010995/HP-CCHN	10/5/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
13	Phạm Thị Bích	26/10/1992	Khoa sản	Hộ sinh	006128/HP-CCHN	8/7/2014	Theo TT 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT ngạch hộ sinh	Hộ sinh
14	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	26/9/1992	Khoa sản	Hộ sinh	002870/HP-CCHN	19/08/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
15	Phạm Thị Vân	18/7/1993	Khoa sản	Hộ sinh	009166/HP-CCHN	08/11/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
16	Hoàng Thị Thu Hương	10/02/1998	Khoa sản	Hộ sinh	007939/HP-CCHN	08/11/2021	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
17	Nguyễn Thị Thúy	07/10/1989	Khoa sản	Hộ sinh	009341/HP-CCHN	27/10/2016	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã	Hộ sinh

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/ Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/ CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/ CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
							số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
18	Nguyễn Thị Linh Châu	20/2/1992	Khoa sản	Hộ sinh	010896/HP-CCHN	26/3/2019	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh
<b>IV</b>	<b>Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng</b>							
1	Đặng Thị Hương	12/5/1992	Khoa Tâm bệnh – Phục hồi chức năng	CN Phục hồi chức năng	009858/HP-CCHN	06/07/2017	KTV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng
2	Nguyễn Văn Hoàn	21/6/1982	Khoa Tâm bệnh – Phục hồi chức năng	KTV	003270/HP-CCHN	20/12/2013	Thực hiện kỹ thuật vật lý trị liệu	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng
<b>V</b>	<b>Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh</b>							
1	Nguyễn Thế Vinh	16/6/1993	Khoa CĐHA	Kỹ thuật viên	008832/HP-CCHN	12/4/2016	KTV chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên hình ảnh y học
2	Phạm Hữu Bằng	15/11/1989	Khoa CĐHA	Kỹ thuật viên	001402/HD-CCHN	10/06/2013	Thực hiện các kỹ thuật X-quang	Kỹ thuật viên hình ảnh y học
3	Bùi Tiến Đạt	14/08/1999	Khoa CĐHA	Kỹ thuật viên	012919/HP-CCHN	08/11/2022	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Kỹ thuật viên hình ảnh y học
<b>VI</b>	<b>Kỹ thuật viên Xét nghiệm</b>							
1	Nguyễn Thị Ly	01/9/1990	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	004908/HD-CCHN	15/12/2014	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Khoa/Phòng/Đơn nguyên	Văn bằng chuyên môn	Số GPHN/CCHN KCB	Ngày cấp GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề	Đối tượng hướng dẫn thực hành
2	Hoàng Đức Thịnh	23/9/1993	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	009921/HP-CCHN	21/8/2017	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
3	Nguyễn Thị Vương	10/11/1996	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	011210/HP-CCHN	18/10/2019	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
4	Trịnh Thị Luyện	03/03/1995	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	010900/HP-CCHN	26/3/2019	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
5	Nguyễn Thị Hằng	09/5/1993	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	009991/HP-CCHN	12/9/2017	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
6	Phạm Thị Anh Nguyệt	24/10/1995	Khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học	004540/HY-CCHN	29/6/2018	Chuyên Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
7	Phạm Thị Huệ	13/5/1990	Khoa xét nghiệm	Kỹ thuật viên	002129/HP-CCHN	24/4/2019	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm
8	Hoàng Tiên Lâm	23/4/1994	Khoa xét nghiệm	Kỹ thuật viên	011309/HP-CCHN	06/01/2020	Chuyên khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật viên Xét nghiệm

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thu Xanh**

**Phụ lục 2**

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP  
NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

(Kèm theo Bản công bố số: 223 /BCB-BVQTSN. ngày 05 / 5 /2026)

STT	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Số lượng tiếp nhận (người)	Chi phí hướng dẫn thực hành (đồng/khóa)
1	Bác sỹ Y khoa	12	3	
2	Bác sỹ Y học dự phòng	12	3	
3	Bác sỹ Răng – Hàm- Mặt	12	3	
4	Bác sỹ chuyên khoa Sản phụ khoa	12	10	
5	Bác sỹ chuyên khoa Nhi	12	10	
6	Bác sỹ chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	12	3	
7	Bác sỹ chuyên khoa Ngoại khoa	12	3	
8	Bác sỹ chuyên khoa Da liễu	12	1	
9	Bác sỹ chuyên khoa Phục hồi chức năng	12	1	
10	Bác sỹ chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ	12	3	
11	Bác sỹ chuyên khoa Gây mê hồi sức	12	3	
12	Bác sỹ chuyên khoa Xét nghiệm	12	3	
13	Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	3	
14	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12	2	
15	Điều dưỡng	6	10	
16	Hộ sinh	6	10	
17	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	6	5	
18	Kỹ thuật y hình ảnh y học	6	5	
19	Kỹ thuật y phục hồi chức năng	6	5	

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026.

**GIÁM ĐỐC**  
  
Phạm Thu Xanh



TT	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hội sức cấp cứu	Nội khoa	Ngoại khoa	Sân phụ khoa	Nhi khoa	PHCN	YHCT	Liên chuyên khoa			Tâm thần	Da liễu	Chẩn đoán hình ảnh	Xét nghiệm	Chuyên khoa khác
										Tai mũi họng	Răng Hàm mặt	Mắt					
13	Bác sỹ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12	3												9		
14	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12	3													9	
15	Điều dưỡng	6	1	1	1	1	1				1						
16	Hộ sinh	6	1			5											
17	Kỹ thuật y Hình ảnh y học	6	1												5		
18	Kỹ thuật y Xét nghiệm y học	6	1													5	
19	Kỹ thuật y Phục hồi chức năng	6	1					5									

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Thu Xanh**

Số: 88 /QĐ-BVQTSN

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN NHI HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Đào tạo;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng.

**Điều 2.** Các khoa, phòng, nhân viên y tế được phân công giảng dạy thực hành chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung hướng dẫn thực hành ban hành kèm theo quyết định này.

**Điều 3.** Các khoa, phòng Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế HP;
- Ban GD BV;
- Lưu: QLCĐT, TCHC.



**Phạm Thu Xanh**

Hải Phòng, ngày 05 tháng 5 năm 2026.

## CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 88/QĐ-BVQTSN ngày 05/ 5/2026 của Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng)

### I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA

#### 1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ y khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ y khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

#### 2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề y khoa cần đạt được:

##### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

##### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất. hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

QTSN  
S  
H  
M

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

### 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn KB, CB	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Nội khoa	Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Sản, Khoa Phụ	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch, Khoa Tiêu hóa – Thận – Huyết học, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Ngoại nhi	1 tháng
6	Mắt	Khoa Liên chuyên khoa	1,5 tháng
7	Tai mũi họng		
8	Răng hàm mặt		
9	Y học cổ truyền	Ký Hợp đồng với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	1 tháng
10	Phục hồi chức năng	Khoa Tâm bệnh - Phục hồi chức năng	0,5 tháng
11	Tâm thần	Ký hợp đồng với BV sức khỏe Tâm thần Hải Phòng	0.5 tháng
12	Da liễu	Trung tâm Lumera	0,5 tháng
13	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0,5 tháng
14	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0,5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

## **5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## **6. Tổ chức đào tạo thực hành**

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

## **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

### 1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học dự phòng.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

### 2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học dự phòng cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

### 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn KB, CB	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Nội khoa	Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	1,5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	1 tháng
4	Sản khoa	Khoa Sản, Khoa Phụ	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch, Khoa Tiêu hóa – Thận – Huyết học, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Ngoại nhi	1 tháng
6	Mắt	Khoa Liên chuyên khoa	1,5 tháng
7	Tai mũi họng		
8	Răng hàm mặt		
9	Y học cổ truyền	Ký Hợp đồng với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	1 tháng
10	Phục hồi chức năng	Khoa Tâm bệnh - Phục hồi chức năng	0,5 tháng
11	Da liễu	Trung tâm Lumera	0,5 tháng
12	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0,5 tháng
13	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	0,5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## **6. Tổ chức đào tạo thực hành**

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

## **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

#### 1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sỹ răng hàm mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sỹ răng hàm mặt.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sỹ răng hàm mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

#### 2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt cần đạt được:

##### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

##### 2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Răng hàm mặt phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### **2.3. Thái độ**

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

### **3. Nội dung thực hành**

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### **4. Thời gian và địa điểm thực hành**

<b>STT</b>	<b>Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh</b>	<b>Địa điểm thực hành</b>	<b>Thời gian thực hành (tháng)</b>
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Răng hàm mặt	Khoa Liên chuyên khoa	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### **5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## **6. Tổ chức đào tạo thực hành**

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

## **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA SẢN PHỤ KHOA

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Sản phụ khoa.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Sản phụ khoa nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Sản phụ khoa.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Sản phụ khoa tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Sản phụ khoa theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Sản phụ khoa cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Sản khoa theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Sản khoa là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Sản phụ khoa	Khoa Sản, Khoa Phụ	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NHI KHOA

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Nhi.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Nhi.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Nhi tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Nhi theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nhi cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

1. C  
2. N  
3. U  
4. S  
5. A  
6. I  
7. A  
8. S  
9. C  
10. A

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Nhi theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Nhi là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch, Khoa Tiêu hóa – Thận – Huyết học, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Liên chuyên khoa, Ngoại nhi	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

## **VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA TAI – MŨI – HỌNG**

### **1. Đối tượng thực hành**

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Tai – Mũi – Họng nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tai – Mũi – Họng.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Tai – Mũi – Họng nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tai – Mũi – Họng.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Tai – Mũi – Họng tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Tai – Mũi – Họng theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai – Mũi – Họng cần đạt được:

#### *2.1. Kiến thức*

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### *2.2. Kỹ năng chuyên môn*

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Tai – Mũi – Họng theo phụ lục số V và phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tai – Mũi – Họng là 09 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Tai – Mũi – Họng	Khoa Liên chuyên khoa	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

**5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NGOẠI KHOA

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ngoại khoa nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ngoại khoa nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Ngoại tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Ngoại theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Ngoại theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Ngoại khoa	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

**5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.



## VIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA DA LIỄU

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc ~~CKH~~ hoặc thạc sĩ chuyên ngành Da liễu nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Da liễu.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Da liễu nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Da liễu

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Da liễu tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Da liễu theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Da liễu theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Da liễu là 09 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Da liễu	Trung tâm Lumera	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

**5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

EMW  
BỆ  
Q  
S  
Hi  
MS

## **IX. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

### **1. Đối tượng thực hành**

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phục hồi chức năng nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phục hồi chức năng nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Phục hồi chức năng theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng cần đạt được:

#### *2.1. Kiến thức*

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### *2.2. Kỹ năng chuyên môn*

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

CP  
H  
C  
N  
P  
220

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Da liễu theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Phục hồi chức năng là 09 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Tâm bệnh – Phục hồi chức năng	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

## X. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA TẠO HÌNH THẨM MỸ

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề Chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tạo hình thẩm mỹ là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Tạo hình thẩm mỹ	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

## **XI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC**

### **1. Đối tượng thực hành**

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Gây mê hồi sức nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Gây mê hồi sức nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức cần đạt được:

#### *2.1. Kiến thức*

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### *2.2. Kỹ năng chuyên môn*

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Gây mê hồi sức theo phụ lục số V và phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Gây mê hồi sức là 09 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Gây mê hồi sức	Khoa Gây mê – Hồi sức	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

**5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

PHÒNG

## XII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA XÉT NGHIỆM

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Y sinh nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Xét nghiệm.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Y sinh nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Xét nghiệm.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Xét nghiệm tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Xét nghiệm theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.
- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.
- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.
- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.
- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.
- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.
- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Xét nghiệm theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Xét nghiệm là 09 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

**5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:**

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

### XIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

#### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh cần đạt được:

##### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

##### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## XIV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

### 1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Giải phẫu bệnh nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Giải phẫu bệnh.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Giải phẫu bệnh nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Giải phẫu bệnh.

1.3. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Giải phẫu bệnh theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

**2. Mục tiêu:** Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh cần đạt được:

#### 2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

#### 2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

**3. Nội dung thực hành:** Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Giải phẫu bệnh theo phụ lục số V và phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

**Thời gian thực hành:** Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Giải phẫu bệnh là 09 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	3 tháng
2	Giải phẫu bệnh	Khoa Xét nghiệm	9 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>12 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.



## **XV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG**

### **1. Đối tượng thực hành**

- Người có văn bằng trung cấp điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp điều dưỡng.

- Người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

### **2. Mục tiêu**

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

#### **2.1. Kiến thức**

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Điều dưỡng: Có kiến thức chuyên sâu về các phương pháp điều dưỡng, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

#### **2.2. Kỹ năng**

Hành nghề theo Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc điều dưỡng theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Thực hành chăm sóc Điều dưỡng: Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng.

Giao tiếp và hợp tác: Có khả năng giao tiếp tốt với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong việc tư vấn và giáo dục sức khỏe.

Phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh: tham gia các hoạt động phòng bệnh và phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất các biện pháp phòng chống hiệu quả.

Quản lý ngành và đào tạo: Tham gia vào công tác quản lý ngành, nghiên cứu điều dưỡng, và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực điều dưỡng.

### 2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: Hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

Mục tiêu nghề nghiệp của Điều dưỡng viên không chỉ đơn giản là hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân mà còn là xây dựng nền tảng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để mang lại hiệu quả và an toàn tối đa cho bệnh nhân và cộng đồng.

### 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
2	Nội khoa	Ký Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ	1 tháng
4	Sản phụ khoa	Khoa Sản, Khoa Phụ	1 tháng
5	Nhi khoa	Khoa Hô hấp – Tim mạch, Tiêu hóa – Thận – Huyết học, Truyền nhiễm, Ngoại nhi	1 tháng
6	Mắt	Khoa Liên chuyên khoa	1 tháng
7	Tai mũi họng		
8	Răng hàm mặt		
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>6 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

#### **6. Tổ chức đào tạo thực hành**

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

## **XVI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH HỘ SINH VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HỘ SINH**

### **1. Đối tượng thực hành**

- Người có văn bằng trung cấp hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp hộ sinh.

- Người có văn bằng cao đẳng hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng hộ sinh.

- Người có văn bằng cử nhân hộ sinh, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân hộ sinh.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

### **2. Mục tiêu**

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh cần đạt được:

#### **2.1. Kiến thức:**

Khoa học xã hội và tự nhiên: Hiểu biết sâu rộng về các nguyên lý khoa học xã hội và tự nhiên, áp dụng vào việc chăm sóc và phòng ngừa bệnh tật.

Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe và Hộ sinh: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm.

Tác động môi trường và sức khỏe con người: Hiểu về tác động của môi trường đến sức khỏe con người và các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

#### **2.2. Kỹ năng**

Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp: Thực hiện công việc Hộ sinh theo đúng pháp luật và chuẩn đạo đức, đảm bảo an toàn và chất lượng chăm sóc.

Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục.



Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia.

Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

### 2.3. Thái độ

Tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước: Thực hành nghề theo luật pháp và chính sách của nhà nước về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trung thực và thận trọng: hành động trung thực, thận trọng, và có ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

Tôn trọng quyền lợi của Người bệnh: Luôn tôn trọng quyền lợi và sự thoải mái của người bệnh trong quá trình chăm sóc.

Phát triển nghề nghiệp và học tập liên tục: Có ý thức phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập và cập nhật kiến thức mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

### 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với BV đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
2	Sản phụ Khoa	Khoa Sản, khoa phụ	5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>6 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## **6. Tổ chức đào tạo thực hành**

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa lâm sàng, bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

## **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

# **XVII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC**

## **1. Đối tượng thực hành**

- Người có Văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

## **2. Mục tiêu**

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học cần đạt được:

### **2.1 Kiến thức**

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

### **2.2 Chuyên môn**

Thực hiện các kỹ thuật ở các mức độ khác nhau về lĩnh vực hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ; siêu âm; ghi hình phóng xạ, xạ trị và trợ giúp bác sỹ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân.

Nắm vững các thông số kỹ thuật thiết bị và thực hiện thành thạo các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### **2.3. Thái độ**

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

### 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với BV đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
2	Hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>6 tháng</b>

### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

01/03/2024

# XVIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC

## 1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

## 2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học cần đạt được:

### 2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

### 2.2. Chuyên môn

Nắm được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm, kiến thức cơ bản về hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

Nắm được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

Nắm được các quy trình vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học.

### 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

## 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.



- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục II Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

#### 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	- Khoa Hồi sức tích cực Nhi - Ký Hợp đồng với BV đa khoa quốc tế Hải Phòng	1 tháng
2	Xét nghiệm Y học	Khoa Xét nghiệm	5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>6 tháng</b>

#### 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

#### 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

1-C  
N  
JC  
N  
P  
300

# XIX. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

## 1. Đối tượng thực hành

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng trung cấp kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng trung cấp của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng;

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu, văn bằng cao đẳng kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của một trong các ngành sau đây: Kỹ thuật phục hồi chức năng, kỹ thuật vật lý trị liệu, kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

- Người có một trong các văn bằng sau đây: Văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, văn bằng cử nhân vật lý trị liệu, văn bằng cử nhân hoạt động trị liệu, văn bằng cử nhân ngôn ngữ trị liệu, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của một trong các ngành sau đây: phục hồi chức năng, vật lý trị liệu, hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu.

*(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)*

## 2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

### 2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

## 2.2. Chuyên môn

Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân.

Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

## 2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

## 3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

## 4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Hồi sức cấp cứu	1 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Tâm bệnh – Phục hồi chức năng	5 tháng
<b>Tổng thời gian thực hành</b>			<b>6 tháng</b>

## 5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

## 6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

#### **7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên**

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC**  
**VỀ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÂM SÀNG**  
Số: **06** /2026/HĐHT-BVĐKQTHP-BVQTSN

*Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 09/01/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ vào nhu cầu của Bệnh viện Quốc tế Sản – Nhi Hải Phòng và khả năng hợp tác hỗ trợ chuyên môn của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng.*

*Hôm nay, tại Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2026, các bên gồm:*

**Bên A: BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 124 Đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Người đại diện ông: HOÀNG VĂN DŨNG Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại số: 0225.3955.888

Số tài khoản: 111000048644

Mã số thuế: 0200102626-007

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân

**Bên B: BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN – NHI HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 124 Đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Người đại diện bà: PHẠM THU XANH Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại số: 0225.3.959999

Số tài khoản: 110002861010

Mã số thuế: 0200102626-003

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân

Hai bên thống nhất ký hợp đồng hợp tác về hướng dẫn thực hành lâm sàng, với nội dung dưới đây:

**Điều 1. Nội dung hợp tác về hướng dẫn thực hành lâm sàng:**

Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng là cơ sở hợp tác thực hành cho nhân viên y tế của Bệnh viện Quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng các chuyên ngành Hồi sức cấp cứu, Nội khoa và các chuyên ngành thuộc phạm vi hoạt động của bệnh viện.

**Điều 2. Địa điểm, thời gian thực hiện hợp đồng**

- Địa điểm thực hiện hợp đồng: Tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: Hợp đồng hỗ trợ thực hành chuyên môn y tế giữa hai Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng và Bệnh viện quốc tế Sản - Nhi Hải Phòng thực hiện trong 10 năm. Khi hết thời hạn Hợp đồng, hai bên đàm phán thống nhất các điều kiện giao kết gia hạn Hợp đồng theo hoàn cảnh và điều kiện cụ thể tại thời điểm ký.

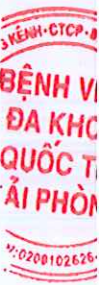
**Điều 3. Trách nhiệm của các bên:**

**3.1. Trách nhiệm của Bên A:**

- Tiếp nhận nhân viên y tế của Bên B gửi sang khi có nhu cầu thực hành.
- Cử các chuyên gia chuyên ngành Hồi sức cấp cứu, Nội khoa và các chuyên ngành khác thuộc phạm vi hoạt động hướng dẫn thực hành cho nhân viên y tế Bên B theo đúng nội dung Bên A đã xây dựng, đảm bảo chất lượng chuyên môn trong quá trình hướng dẫn thực hành.
- Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành cho nhân viên y tế Bên B sau khi kết thúc thời gian thực hành bằng văn bản.
- Được trả tiền công hướng dẫn thực hành theo quy định.

**3.2. Trách nhiệm của Bên B:**

- Gửi văn bản yêu cầu kèm danh sách, thời gian thực hành của nhân viên y tế đến bên A.
- Phối hợp với Bên A hoàn thiện các thủ tục hành chính của nhân viên theo yêu cầu Bên A.
- Thanh toán đầy đủ tiền công cho Bên A sau khi kết thúc thời gian thực hành của nhân viên y tế theo thỏa thuận.
- Nhân viên của Bên B đến thực hành có thể tham gia trực tiếp theo sự phân công của Bên A.



**Điều 4. Đơn giá, phương thức thanh toán và cơ chế tài chính:**

- Đơn giá thanh toán: Bên B chi trả cho Bên A số tiền: 1.000.000 đồng/tháng/người
- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi kết thúc mỗi đợt thực hành.

**Điều 5. Cam kết chung:**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những nội dung hợp tác theo hợp đồng đã ký.
- Hai bên thường xuyên trao đổi với nhau thông tin người thực hành; đảm bảo người thực hành được thực hành đủ thời gian của từng chuyên ngành theo quy định.
- Trong quá trình thực hiện, hai bên tiếp tục thống nhất bổ sung những nội dung phát sinh hoặc chưa nêu trong hợp đồng đã ký (bằng phụ lục hợp đồng) để làm căn cứ thực hiện.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí; được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.



**ĐẠI DIỆN BÊN A**

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
TS.BSNT Hoàng Văn Dũng



**ĐẠI DIỆN BÊN B**

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
Phạm Thu Khanh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC**  
**VỀ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA TÂM THẦN**  
Số: **25** /2026/HĐHDTHTT-BVSKTTHP-BVQTSN

*Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 09/01/2023;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ vào nhu cầu của Bệnh viện Quốc tế Sản – Nhi Hải Phòng và khả năng hợp tác hỗ trợ chuyên môn của Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Hải Phòng.*

*Hôm nay, tại Hải Phòng, ngày 06 tháng 4 năm 2026, các bên gồm:*

**Bên A: BỆNH VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Ngõ 275 Đông Khê, phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện ông: ĐOÀN HỒNG QUANG

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại số: 02253.721.311

Số tài khoản: 3713.0.1021453.00000

Kho bạc nhà nước Khu vực III.

**Bên B: BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN – NHI HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện bà: PHẠM THU XANH

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại số: 0225.3.959999

Số tài khoản: 110002861010

Mã số thuế: 0200102626-003

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tâm thần với những nội dung dưới đây:

**Điều 1: Đối tượng, thời gian, địa điểm thực hành**

1. Đối tượng thực hành: Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ đã có giấy phép hành nghề và chứng chỉ đào tạo chuyên khoa sức khỏe Tâm thần 09 tháng.

2. Thời gian, số lượng người thực hành:

2.1. Thời gian thực hành:

+ Thời gian thực hành 15 ngày/01 khóa học (bao gồm Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ) đối với Bác sĩ đã có văn bằng Bác sĩ Y khoa (để cấp Giấy phép hành nghề).

+ Thời gian thực hành 09 tháng/01 khóa học (bao gồm Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ) đối với Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và chứng chỉ đào tạo chuyên khoa sức khỏe Tâm thần 09 tháng (Bác sĩ chuyên khoa sức khỏe Tâm thần).

2.2. Số lượng người thực hành: Theo danh sách cụ thể của Bên B chuyển sang theo từng thời điểm có học viên thực hành.

3. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng.

4. Chi phí thực hành:

STT	Nội dung	Khóa thực hành	Đơn giá/tháng/01 học viên (VNĐ)	Thành tiền/Khóa học (VNĐ)
1	Chi phí thực hành khóa học	15 ngày	600.000VNĐ/01 học viên/khóa học	600.000VNĐ/01 khóa học (Bằng chữ: Sáu trăm nghìn đồng chẵn./.)
2	Chi phí thực hành khóa học	09 tháng	Bằng 1/2 tháng lương cơ bản do UBNDTP quy định	9 tháng x 1/2 tháng lương cơ bản tại thời điểm học tập

**Điều 2: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt

2. Điều khoản thanh toán:

Bên B thanh toán cho Bên A sau khi Bên A cấp Giấy chứng nhận học viên đã thực hành chuyên khoa Tâm thần đủ khóa và bộ hồ sơ thanh toán từ Bên A.

Bộ hồ sơ thanh toán gồm có:

- Nghiệm thu hợp đồng theo từng đợt;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ theo quy định của Nhà nước;
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

#### **1. Bên A có quyền:**

- a. Bố trí phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn học viên của Bên B đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng;
- b. Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B;
- c. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

#### **2. Bên A có nghĩa vụ:**

- a. Đảm Bảo các điều kiện thuận lợi để học viên của Bên B được thực hành theo đúng quy định;
- b. Bố trí học viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp;
- c. Xác nhận kết quả học tập, thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành;
- d. Chịu trách nhiệm về quá trình học thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành, đảm bảo an toàn cho người bệnh;
- e. Các nghĩa vụ khác liên quan đến đối tượng khám chữa bệnh của bệnh viện theo quy định hiện hành.

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

#### **1. Bên B có quyền:**

- a. Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để phối hợp quản lý học viên;
- b. Được cung cấp thông tin quá trình thực hành của học viên tại cơ sở thực hành của Bên A;
- c. Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

#### **2. Bên B có nghĩa vụ:**

- a. Cung cấp cho Bên A thông tin của học viên thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/ tín chỉ;
- b. Chi trả chi phí thực hành của học viên đầy đủ theo thỏa thuận với bên A;
- c. Chịu trách nhiệm và xử lý các vi phạm của học viên trong khi thực hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy chế bệnh viện;
- d. Các nghĩa vụ khác: Giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh của học viên trong quá trình thực hành, thực tập tại cơ sở thực hành của Bên A; Xác nhận làm thủ tục công nhận người giảng dạy thực hành của Bên A đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hành.



**Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng:**

1. Thời hạn hợp đồng: 01 năm.
2. Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng đợt học viên thực hành cụ thể.

**Điều 6. Cam kết chung**

1. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này;
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm, bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí; được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**  
TS. BS. Đoàn Hồng Quang

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**  
Phạm Thu Khanh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC**  
**VỀ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Số: 157 /2026/HĐHDTHYHCT-BVYHCTHP-BVQTSN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào nhu cầu của Bệnh viện Quốc tế Sản – Nhi Hải Phòng và khả năng hợp tác hỗ trợ chuyên môn của Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng.

Hôm nay, tại Hải Phòng, ngày 5 tháng 5 năm 2026, các bên gồm:

**Bên A: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Tổ dân phố Cái Tắt, phường An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện ông: KHÔNG HỮU CƯỜNG

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại số: 02253.700.412

Số tài khoản: 3713.0.1021447.00000, Tại: Kho bạc nhà nước Khu vực III –  
Phòng giao dịch số 1

**Bên B: BỆNH VIỆN QUỐC TẾ SẢN – NHI HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện bà: PHẠM THU XANH

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại số: 0225.3.959999

Số tài khoản: 110002861010

Mã số thuế: 0200102626-003

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng hướng dẫn thực hành Y học cổ truyền với những nội dung dưới đây:

**Điều 1: Đối tượng, thời gian, địa điểm thực hành**

1. Đối tượng thực hành: Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
2. Thời gian, số lượng người thực hành:

2.1. *Thời gian thực hành*: Thời gian thực hành 01 tháng/01 khóa học (bao gồm Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ) đối với Bác sĩ đã có văn bằng Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học dự phòng (để cấp Giấy phép hành nghề).

2.2. *Số lượng người thực hành*: Theo danh sách cụ thể của Bên B chuyển sang theo từng thời điểm có học viên thực hành.

3. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng.

4. Chi phí thực hành:

STT	Nội dung	Khóa thực hành	Đơn giá/tháng/01 học viên (VNĐ)	Thành tiền/Khóa học (VNĐ)
1	Chi phí thực hành khóa học	01 tháng	1.000.000VNĐ/01 học viên/khóa học	1.000.000VNĐ/01 khóa học (Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn./.)

**Điều 2: Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt
2. Điều khoản thanh toán:

Bên B thanh toán cho Bên A sau khi Bên A cấp Giấy chứng nhận học viên đã thực hành Y học cổ truyền đủ khóa và bộ hồ sơ thanh toán từ Bên A.

Bộ hồ sơ thanh toán gồm có:

- Nghiệm thu hợp đồng theo từng đợt;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ theo quy định của Nhà nước;
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

**1. Bên A có quyền:**

- a. Bố trí phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn học viên của Bên B đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng;
- b. Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B;
- c. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

## **2. Bên A có nghĩa vụ:**

- a. Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để học viên của Bên B được thực hành theo đúng quy định;
- b. Bố trí học viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp;
- c. Xác nhận kết quả học tập, thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành;
- d. Chịu trách nhiệm về quá trình học thực hành của học viên của Bên B tại cơ sở thực hành, đảm bảo an toàn cho người bệnh;
- e. Các nghĩa vụ khác liên quan đến đối tượng khám chữa bệnh của bệnh viện theo quy định hiện hành.

## **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

### **1. Bên B có quyền:**

- a. Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành Bên A để phối hợp quản lý học viên;
- b. Được cung cấp thông tin quá trình thực hành của học viên tại cơ sở thực hành của Bên A;
- c. Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

### **2. Bên B có nghĩa vụ:**

- a. Cung cấp cho Bên A thông tin của học viên thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/ tín chỉ;
- b. Chi trả chi phí thực hành của học viên đầy đủ theo thỏa thuận với bên A;
- c. Chịu trách nhiệm và xử lý các vi phạm của học viên trong khi thực hành, đảm bảo thực hiện đúng các quy chế bệnh viện;
- d. Các nghĩa vụ khác: Giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh của học viên trong quá trình thực hành, thực tập tại cơ sở thực hành của Bên A

## **Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng:**

1. Thời hạn hợp đồng: 01 năm.
2. Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói theo từng đợt học viên thực hành cụ thể.

## **Điều 6. Cam kết chung**

1. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này;

PH  
VIÊN  
TRUY  
ÔNG

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm, bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí; được lập thành 04 (bốn) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A *gn*



GIÁM ĐỐC

BSCKII - ThS: *Khổng Hữu Cường*

ĐẠI DIỆN BÊN B *gn*



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

*Phạm Thu Khanh*

